

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 01/2022/KDTM-ST
Ngày: 26-4-2022
V/v tranh chấp thực hiện nghĩa
vụ thanh toán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Trọng Kim
2. Ông Nguyễn Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Ông Cao Quốc Thuận - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2021/TLST-KDTM ngày 11 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-KDTM ngày 07/3/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐST-KDTM ngày 31/3/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH kiến trúc xây dựng thương mại T; địa chỉ trụ sở: tổ B, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ liên hệ: Ông Đỗ Cao T, ấp S, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Cao T, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp S, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Kim S, sinh năm 1995; Địa chỉ thường trú: Ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai; Địa chỉ liên hệ: Số N L, phường M, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 10/12/2020).

- Bị đơn: Công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ T1; địa chỉ trụ sở: Số M, đường Đ, thôn M, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn H, sinh năm 1977; Địa chỉ: Đường số N, thôn M, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Văn H1, sinh năm 1990; Địa chỉ: số D đường N, khu dân cư H, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 10/02/2022).

Bà S, ông H1 có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11/12/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim S trình bày:

Ngày 12/10/2019, Công ty TNHH kiến trúc xây dựng thương mại T (gọi tắt là Công ty T) - bên nhận thầu lại, đã thỏa thuận và ký kết Hợp đồng giao thầu lại số R22.127/13 ngày 12/10/2019 với Công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ T1 (gọi tắt là Công ty T1) – bên giao thầu, do ông Trần Văn H là chủ sở hữu kiêm người đại diện theo pháp luật, đối với dự án Khu dân cư K, tại phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, gói thầu là thi công phần thô và hoàn thiện ngoài. Cụ thể, Công ty T đã thực hiện khu G-KP 9 căn (G1 – G9).

Sau khi nhận thi công, Công ty T đã thực hiện đúng khối lượng giao thầu và đảm bảo đúng tiến độ thực hiện theo thỏa thuận và yêu cầu thực tế của bên tổng thầu. Theo thỏa thuận trong Hợp đồng thì Công ty T1 phải thanh toán theo đợt: 02 lần/tháng (thanh toán đến 90% giá trị đã thực hiện sau khi khấu trừ tạm ứng nếu có). Tuy nhiên Công ty T1 nhiều lần chậm trễ việc thanh toán, mặc dù đã được Công ty T nhắc nhở. Ngày 10/02/2020, Công ty T đã giải trình và bảo vệ đúng khối lượng thực tế đã thi công (kể cả khối lượng và công việc phát sinh) với Công ty T1 và bên tổng thầu là Công ty cổ phần đầu tư xây dựng R. Theo bảng khối lượng đã hoàn thành, Công ty T1 và bộ phận QS Công ty tổng thầu đã xác nhận tổng giá trị thanh toán cho Công ty T là 5.167.254.390 đồng. Sau đó, giữa Công ty T và Công ty T1 đã tính toán công nợ còn lại, Công ty T đã trừ các khoản tiền chi phí và số tiền đã nhận từ Công ty T1, bao gồm cả 10% trích giá trị khối lượng thực hiện cho Công ty T1 như đã thỏa thuận trước đó. Hai bên chốt lại Công ty T1 còn nợ lại Công ty T số tiền 1.081.341.885 đồng (căn cứ vào Biên bản xác nhận khối lượng thực hiện ngày 10/02/2020).

Ngày 11/02/2020, Công ty T và Công ty T1 đã ký kết Biên bản xác nhận công nợ với số tiền làm tròn 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và Công ty T1 cam kết sẽ thanh toán số tiền còn nợ vào ngày 30/3/2020, không tính lãi, nhưng đến nay Công ty T1 vẫn chưa thanh toán theo thỏa thuận. Công ty T đã nhiều lần liên hệ nhưng Công ty T1 cố tình lẩn tránh, không thanh toán.

Tại đơn khởi kiện, Công ty T yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ T1 thanh toán cho Công ty TNHH kiến trúc xây dựng thương mại T số tiền còn nợ là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) cùng lãi chậm trả trên số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) tạm tính từ ngày 30/3/2020 đến 30/12/2020 là 83.333.000 đồng (Tám mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Tại đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty T1 liên đới cùng ông Trần Văn H thanh toán cho Công ty T số tiền còn nợ là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và tiền lãi chậm trả trên số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) tạm tính từ ngày 30/3/2020 đến 30/12/2020 là 83.333.000 đồng (Tám mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng). Tổng cộng số tiền phải thanh toán là 1.083.333.000 đồng (Một tỷ không trăm tám mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng). Yêu cầu đưa ông Trần Văn H vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại đơn trình bày ý kiến ngày 28/10/2021, người đại diện nguyên đơn yêu cầu ông Trần Văn H phải chịu trách nhiệm toàn bộ khoản nợ 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và tiền lãi chậm trả đến thời điểm thanh toán vì cho rằng: ông H là chủ sở hữu, đồng thời là người đại diện theo pháp luật kiêm giám đốc Công ty T1. Ông H đăng ký

góp vốn điều lệ là 3.000.000.000 đồng. Vì vậy khoản nợ 1.000.000.000 đồng nằm trong phạm vi vốn góp mà ông H phải chịu trách nhiệm thanh toán theo quy định tại Khoản 1 Điều 73 và Khoản 1, Khoản 4 Điều 74 Luật Doanh nghiệp 2014. Ngoài ra, theo quy định, cá nhân khi góp vốn vào doanh nghiệp không buộc phải chuyển vào tài khoản ngân hàng, vì vậy nếu vốn điều lệ 3.000.000.000 đồng không được chuyển qua tài khoản ngân hàng thuộc Công ty T1 thì sẽ nằm trong quỹ tiền mặt của Công ty T1 do ông H nắm giữ và quản lý. Thực tế, ông H là người toàn quyền quyết định dòng tiền, hoạt động kinh doanh và thụ hưởng toàn bộ lợi ích, doanh thu, lợi nhuận của Công ty T1. Vì vậy, ông H phải dùng số tiền vốn điều lệ đã cam kết góp và doanh thu từ Công ty T1 để chịu trách nhiệm, theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 6 Điều 76 Luật Doanh nghiệp 2014.

Đối với yêu cầu của bị đơn đưa ông Nguyễn Phước Th, là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH xây dựng Th (gọi tắt là Công ty Th) vào tham gia vụ án thì nguyên đơn không đồng ý, vì không có thỏa thuận hay cam kết nào về việc chuyển nợ giữa 03 Công ty. Giấy nợ ghi ngày 31/5/2020 do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là giấy nợ giữa cá nhân ông Th với ông T.

Tại phiên tòa, người đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu buộc Công ty T1 liên đới cùng ông Trần Văn H thanh toán cho Công ty T số tiền còn nợ là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và tiền lãi chậm trả trên số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) tính từ ngày 31/3/2020 đến 26/4/2022 (02 năm 26 ngày) theo mức lãi suất 10%/năm là 211.680.000 đồng (Hai trăm mười một triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng). Tổng cộng số tiền phải thanh toán là 1.211.680.000 đồng (Một tỷ hai trăm mười một triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng). Trong đó ông H liên đới với trách nhiệm trả 100% khoản nợ và lãi này. Ngoài ra không yêu cầu tính khoản lãi nào khác.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/02/2021 người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Trần Văn H trình bày: Vào ngày 20/8/2019, Công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ T1 (gọi tắt là Công ty T1) có nhận 01 phần Dự án khu dân cư K tại phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh do Công ty cổ phần đầu tư xây dựng R (gọi tắt là Công ty R) làm tổng thầu. Công ty T1 nhận xây dựng trọn gói Lô K (28 căn nhà liền kề) và lô G (09 căn nhà liền kề). Đối với Lô G giá trị hợp đồng là 5.546.067.210 đồng.

Sau đó, ngày 27/8/2019, Công ty T1 ký kết hợp đồng giao thầu lại cho Công ty TNHH kiến trúc xây dựng thương mại T (gọi tắt là Công ty T) do ông Đỗ Cao T là người đại diện theo pháp luật, với nội dung giao lại phần xây dựng trọn gói Lô G (09 căn nhà liền kề). Hợp đồng bao gồm 10 phần: thỏa thuận hợp đồng; bảng giá trị hợp đồng (5.546.067.210 đồng (bao gồm thuế)); phạm vi công việc trọn gói; danh mục vật tư trọn gói; biên bản cam kết tiến độ (hai bên thỏa thuận miệng là 3 tháng rưỡi); biên bản cam kết chống hối lộ thương mại và bảo mật thông tin; quy ước tính toán khối lượng; cam kết an toàn và sức khỏe; điều kiện chung; chỉ dẫn kỹ thuật kiến trúc – kết cấu. Công ty T1 sẽ nhận 10% tổng giá trị hợp đồng từ Công ty R sau 24 tháng kể từ khi bàn giao công trình hoàn thiện.

Đối với lô K (28 căn nhà liền kề) thì Công ty T1 ký kết hợp đồng giao thầu lại cho Công ty TNHH xây dựng Th (gọi tắt là Công ty Th), địa chỉ Số B Quốc lộ H, ấp Đ, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, do ông Nguyễn Phước Th là người đại diện theo pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, phía Công ty T có 01 vài vi phạm ảnh hưởng đến tiến độ của chủ đầu tư, tuy nhiên giữa các bên đã giải quyết được. Sau khi hết thời gian cam kết tiến độ là ngày 12/01/2020, Công ty T bàn giao toàn bộ Công

trình Lô G (09 căn) cho Công ty T1. Trong phần hợp đồng ký kết có bao gồm phần xây thô hoàn thiện tuy nhiên khi bàn giao Công ty T chỉ mới làm phần tầng trệt của 09 căn, còn 03 tầng lầu của 09 căn thì chưa thực hiện. Sau này thì ông H mới được biết, Công ty T và Công ty R tự thương lượng với nhau về việc không thi công phần xây thô hoàn thiện mà không thông qua Công ty T1. Vì chưa hoàn thiện công trình, Công ty R buộc phải thuê người để làm hoàn thiện phần xây thô của Lô G và trừ chi phí này vào số tiền 10% tổng giá trị hợp đồng mà Công ty T1 sẽ nhận.

Tổng khối lượng Công ty T thực hiện là 5.234.808.498 đồng (Năm tỷ hai trăm ba mươi bốn triệu tám trăm lẻ tám nghìn bốn trăm chín mươi tám đồng). Trong quá trình thi công, Công ty T do không có kinh phí nên có yêu cầu Công ty T1 mua vật tư gồm sắt, thép, bê tông tươi... cùng với tiền Công ty T tạm ứng định kỳ đối với Công ty T1 với tổng là 4.234.808.498 đồng. Số tiền Công ty T1 còn phải thanh toán cho Công ty T là 1.000.000.000 đồng.

Ngày 11/02/2020, tại Công ty T1, hai bên Công ty lập Biên bản công nợ trong đó có ghi rõ tổng giá trị hợp đồng 5.234.808.498 đồng, tổng trừ vật tư + tạm ứng + chiết khấu 10% + hóa đơn là 4.234.808.498 đồng (còn lại 1.000.000.000 đồng), ông H có cam đoan trả vào ngày 30/3/2020 dương lịch, không có lãi. Đại diện Công ty T1 là ông Trần Văn H và đại diện Công ty T là ông Đỗ Cao T đã ký tên đóng dấu Công ty vào Biên bản.

Tuy nhiên, đến ngày 30/3/2020, Công ty T1 do làm ăn khó khăn và chưa tới thời gian nhận tiền từ chủ thầu Công ty R, do đó hai bên thỏa thuận lại thời gian thanh toán là 03 tháng sau (tháng 6/2020) sẽ trả 1.000.000.000 đồng cho Công ty T. Đến tháng 6/2020, Công ty T1 vẫn không thể thanh toán được. Lúc đó, các bên mở cuộc họp 03 bên gồm Công ty T1, Công ty T và Công ty Th. Vì Công ty Th nợ Công ty T1 1.000.000.000 đồng nên ông H yêu cầu Công ty Th thanh toán nợ cho Công ty T thay Công ty T1, cả 03 bên đều đồng ý và ghi 01 tờ giấy chuyển nợ ngày 31/5/2020, nội dung ghi ông Nguyễn Phước Th vay ông Đỗ Cao T số tiền 1.000.000.000 đồng, trong vòng 3 tháng trả trước 500.000.000 đồng, số tiền còn lại là 500.000.000 đồng trả vào cuối năm 2020. Hiện nay giấy này do ông Đỗ Cao T giữ.

Từ đó đến nay giữa Công ty T1 và Công ty T không nhắc gì đến số tiền nợ 1.000.000.000 đồng trên.

Nay, Công ty TNHH kiến trúc xây dựng thương mại T khởi kiện yêu cầu buộc Công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ T1 thanh toán cho Công ty TNHH kiến trúc xây dựng thương mại T số tiền còn nợ là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và phải trả tiền lãi chậm trả trên số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) tạm tính từ ngày 30/3/2020 đến 30/12/2020 là 83.333.000 đồng (Tám mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng) thì Công ty T1 không đồng ý vì đã chuyển số nợ này sang cho Công ty Th, xem như trách nhiệm với Công ty T đã xong.

Bị đơn yêu cầu đưa ông Nguyễn Phước Th, là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH xây dựng Th (gọi tắt là Công ty Th) vào tham gia vụ án.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Trần Văn H1 trình bày: Thống nhất lời trình bày của người đại diện theo pháp luật của bị đơn tại biên bản lấy lời khai về nội dung ký kết hợp đồng và biên bản công nợ giữa nguyên đơn và bị đơn. Bị đơn đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán theo yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu buộc ông Trần Văn H liên đới cùng bị đơn thanh toán nợ thì bị đơn không đồng ý vì đây là khoản nợ doanh nghiệp với doanh nghiệp, đã được ký kết thống nhất với nhau bằng biên bản đối chiếu công nợ. Đối với yêu cầu của

người đại diện theo pháp luật của bị đơn trước đây là đưa ông Nguyễn Phước Th- người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH xây dựng Th (gọi tắt là Công ty Th) vào tham gia vụ án, ông Trần Văn H1 không yêu cầu nữa.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn nhiều lần vắng mặt trong các buổi làm việc của Tòa án dù đã được triệu tập hợp lệ là không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H, nhận thấy cá nhân ông H không liên quan đến nội dung tranh chấp trong vụ án, vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không đưa ông H tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) là có cơ sở. Yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm trả trên số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) là có cơ sở. Thời gian tính lãi chậm thanh toán từ ngày 31/3/2022 đến ngày 26/4/2022. Đối với mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là 10%/năm, tính ra tiền lãi là 211.680.00 đồng (Hai trăm mười một triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) là phù hợp với mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường hiện nay là 14,5%/năm do Tòa án thu thập tại 03 ngân hàng gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Ngân hàng TMCP Công thương VN; Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN, đây là tình tiết có lợi cho bị đơn nên có cơ sở chấp nhận (theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại).

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả tiền nợ và lãi chậm thanh toán theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu bổ sung của nguyên đơn buộc cá nhân ông Trần Văn H liên đới cùng bị đơn thanh toán số nợ 1.000.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả phát sinh là không có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về sự có mặt của các đương sự: Ông Trần Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng ông H không đến. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung: Công ty TNHH kiến trúc xây dựng thương mại T (gọi tắt là Công ty T) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ T1 (gọi tắt là Công ty T1) liên đới cùng ông Trần Văn H thanh toán cho Công ty T số tiền còn nợ là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và tiền lãi chậm trả trên số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) tính từ ngày 31/3/2020 đến ngày 26/4/2022 là 211.680.000 đồng (Hai trăm mười một triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng). Tổng cộng số tiền phải thanh toán là 1.211.680.000 đồng (Một tỷ hai trăm mười một triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng). Yêu cầu đưa ông Trần Văn H vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đề nghị tính tiền lãi chậm trả từ ngày 31/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/4/2022 là 02 năm 26 ngày, theo mức lãi suất 10%/năm là 211.680.000 đồng (Hai trăm mười một triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng). Tổng cộng số tiền phải thanh toán là 1.211.680.000 đồng (Một tỷ hai trăm mười một triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng). Trong đó ông H liên đới với trách nhiệm trả 100% khoản nợ và lãi này.

[2.1] Nhận thấy Hợp đồng giao thầu lại số R22.127/13 ngày 12/10/2019 giữa bên A là Công ty T1 và bên B là Công ty T do nguyên đơn cung cấp, do người đại diện theo pháp luật của Công ty T1 là ông Trần Văn H và người đại diện theo pháp luật của Công ty T là ông Đỗ Cao T ký kết. Kèm theo Hợp đồng này là bản điều kiện riêng của Hợp đồng, trong đó nội dung công việc là “bên A đồng ý giao cho bên B thực hiện gói thầu thi công” kết cấu và hoàn thiện trọn gói – Dự án khu dân cư nhà ở K, ngoài ra còn quy định 01 số nội dung khác về địa điểm thực hiện, tiến độ thực hiện.... Ông Trần Văn H tại biên bản lấy lời khai cũng thừa nhận ngày 20/8/2019, Công ty T1 có nhận 01 phần Dự án khu dân cư K tại phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh do Công ty R làm tổng thầu và ngày 27/8/2019, Công ty T1 ký kết hợp đồng giao thầu lại cho Công ty T do ông Đỗ Cao T là người đại diện theo pháp luật, với nội dung giao lại phần xây dựng trọn gói Lô G là 09 căn nhà liền kề. Như vậy, giữa nguyên đơn và bị đơn tồn tại thực tế 01 hợp đồng giao thầu đối với dự án khu dân cư nhà ở K, từ đó xác định giữa Công ty TNHH kiến trúc xây dựng thương mại T và Công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ T1 có việc ký kết Hợp đồng giao thầu lại số R22.127/13 ngày 12/10/2019. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2.2] Bảng điều kiện riêng của hợp đồng kèm theo Hợp đồng có nội dung thời hạn thanh toán như sau: *“theo đợt: thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên B cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán. Quyết toán: thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên B cung cấp đầy đủ hồ sơ chứng từ quyết toán, chứng thư BLBH (5% giá trị quyết toán) có thời hạn 24 tháng cho bên A”*. Tuy vậy, nhưng theo Biên bản công nợ ngày 11/02/2020 do nguyên đơn cung cấp, thì giữa Công ty T1 và Công ty T đã ký kết với nhau biên bản chốt lại công nợ đối với các khoản thanh toán trong Hợp đồng giao thầu lại số R22.127/13 ngày 12/10/2019 và thỏa thuận thời hạn thanh toán nợ. Trong hợp đồng có nội dung *“ngày 10/02/2020, bên B đã hoàn thành công việc theo đúng hợp đồng đã thỏa thuận ký kết, bên B đã giải trình và bảo vệ đúng khối lượng thực tế thi công.... và đã có kết quả giá trị thành tiền thanh quyết toán. Biên bản này nhằm xác định công nợ giữa bên A và bên B...”* Trong hợp đồng còn có nội dung thỏa thuận khác ghi bằng tay *“Tổng giá trị hợp đồng 5.234.808.498đ, tổng trừ vật tư + tạm ứng + chiết khấu 10% + hóa đơn là 4.234.808.498đ (còn lại 1.000.000.000 (một tỷ), tôi sẽ trả vào ngày 30/3/2020 dương lịch (không có lãi)”*. Cuối biên bản là chữ ký của ông Trần Văn H và ông Đỗ Cao T cùng dấu mộc của hai Công ty. Tại biên bản lấy lời khai, ông Trần Văn H cũng thừa nhận việc ngày 11/02/2020, tại Công ty T1, hai bên đã lập Biên bản công nợ với những nội dung trên và đại diện Công ty T1 là ông Trần Văn H và đại diện Công ty T là ông Đỗ Cao T đã ký tên đóng dấu Công ty vào Biên bản. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn cũng khẳng định tại biên bản công nợ, ông H và ông T ký tên đóng dấu với tư cách đại diện Công ty T1 và Công ty T. Như vậy, theo Biên bản công nợ ngày 11/02/2020 thì Hợp đồng giao thầu giữa hai bên đã hoàn thành từ ngày 10/02/2020, giữa hai Công ty T và Công ty T1 đã thống nhất chốt lại công nợ của Công ty T1 cho Công ty T đối với Hợp đồng giao thầu lại số R22.127/13 ngày 12/10/2019 là số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), thời hạn thanh toán vào ngày 30/3/2020. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật

Tổ tụng Dân sự năm 2015. Căn cứ vào Biên bản công nợ, Công ty T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với khoản nợ này.

[3] Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có mã số doanh nghiệp 3401190593, đăng ký lần đầu ngày 17/7/2019 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp (đã được Tòa án phê to đối chiếu bản chính) do Công ty T1 cung cấp, thì Công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ T1 là Công ty TNHH một thành viên. Điều 73 Luật doanh nghiệp năm 2014 quy định về Công ty TNHH một thành viên như sau: *“1...Chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty....”*. Chủ sở hữu công ty trong điều luật này chính là với tư cách người đại diện theo pháp luật của một pháp nhân, chứ không phải với tư cách cá nhân, trong đó quy định chịu trách nhiệm trong phạm vi vốn điều lệ của pháp nhân chứ không phải bằng tài sản cá nhân. Điều 74 Luật doanh nghiệp năm 2014 quy định về thực hiện góp vốn thành lập công ty: *“...4. Chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty, thiệt hại xảy ra do không góp, không góp đủ, không góp đúng hạn vốn điều lệ.”* Đây là nội dung quy định trong trường hợp chủ sở hữu không góp, góp không đủ hoặc không đúng hạn vốn điều lệ từ đó làm phát sinh thiệt hại, các nghĩa vụ tài chính của công ty thì chủ sở hữu mới phải chịu trách nhiệm bằng tài sản của cá nhân mình. Nội dung yêu cầu của Công ty T trong vụ án là thanh toán nợ của doanh nghiệp phát sinh từ việc ký kết và thực hiện hợp đồng giao thầu lại giữa 02 Công ty, không phải là nghĩa vụ tài chính, thiệt hại phát sinh từ việc Công ty T1 không góp, không góp đủ, không góp đúng hạn vốn điều lệ. Khi ký kết Biên bản công nợ ngày 11/02/2020, ông Trần Văn H ký tên với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty T1, kèm chữ ký là dấu mộc của Công ty. Trong nội dung biên bản, Công ty T và Công ty T1 cũng không có thỏa thuận nào khác liên quan đến việc ông Trần Văn H phải liên đới chịu trách nhiệm cùng Công ty T1 trong việc thanh toán nợ cho Công ty T. Trong quá trình tố tụng, Công ty T cũng không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu buộc ông Trần Văn H liên đới cùng Công ty T1 chịu trách nhiệm thanh toán nợ. Về Khoản 1 và Khoản 6 Điều 76 Luật Doanh nghiệp 2014 do đại diện nguyên đơn nêu ra, đây là điều luật quy định về nghĩa vụ của chủ sở hữu Công ty đối với Công ty, trong đó không có quy định nào về việc buộc cá nhân chủ sở hữu phải liên đới cùng Công ty thanh toán nợ trong quá trình thực hiện các Hợp đồng giao dịch. Tại phiên tòa, nguyên đơn đề cập vấn đề liên quan đến lợi nhuận, doanh thu, việc thu chi của Công ty T1, nhưng trong quá trình tố tụng, khi Tòa án ra thông báo yêu cầu nguyên đơn cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình thì nguyên đơn không cung cấp được các tài liệu liên quan đến nội dung này. Vì vậy, yêu cầu của Công ty T buộc Công ty T1 liên đới cùng cá nhân ông Trần Văn H thanh toán tiền nợ là không có cơ sở.

[4] Từ đó xác định, cá nhân ông Trần Văn H không có quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm gì đối với khoản nợ giữa hai Công ty, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Công ty T đưa ông Trần Văn H vào tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[5] Bị đơn yêu cầu đưa ông Nguyễn Phước Th, là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH xây dựng Th (gọi tắt là Công ty Th) vào tham gia vụ án, vì bị đơn cho rằng 03 bên gồm Công ty T1, Công ty T và Công ty Th đã mở cuộc họp vào ngày 31/5/2020 và cùng ký kết 01 tờ giấy chuyển nợ cùng ngày, mục đích của giấy này là ông Trần Văn H yêu cầu Công ty Th thanh toán nợ cho Công ty T thay Công ty T1. Ông H cũng thừa nhận nội dung giấy này ghi ông Nguyễn Phước Th vay ông Đỗ Cao T số tiền 1.000.000.000 đồng, trong vòng 3 tháng trả trước 500.000.000 đồng, số tiền

còn lại là 500.000.000 đồng trả vào cuối năm 2020, hiện nay giấy này do ông Đỗ Cao T giữ. Theo chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Giấy nợ ghi ngày 31/5/2020 (được Tòa án phê to đối chiếu bản chính), nội dung và thời gian của giấy này trùng khớp với nội dung ông H thừa nhận. Giấy nợ này có chữ ký của ông Nguyễn Phước Th dưới chữ người nợ, người làm chứng có ông Trần Văn H ký tên. Nhận thấy, toàn bộ nội dung giấy này không liên quan đến việc chuyển nợ giữa 03 Công ty với nhau như ông H trình bày. Ngoài ra, trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho việc chuyển nợ giữa 03 Công ty. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn không yêu cầu đưa ông Nguyễn Phước Th và Công ty TNHH xây dựng Th vào tham gia tố tụng trong vụ án. Tòa án nhận thấy ông Nguyễn Phước Th và Công ty TNHH xây dựng Th không liên quan hay có trách nhiệm gì trong vụ án này, vì vậy, Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng là có căn cứ.

[6] Về lãi chậm trả: Đối với yêu cầu thanh toán lãi chậm trả do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ thấy rằng:

[6.1] Tại Hợp đồng giao thầu lại cũng như tại Biên bản công nợ, các bên không thỏa thuận mức lãi suất trong trường hợp phát sinh việc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”. Trung bình lãi suất nợ quá hạn trên thị trường tại thời điểm hiện nay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Ngân hàng TMCP Công thương VN; Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN do Tòa án thu thập là 14,5%/năm, tức là 1,208%/tháng tương ứng 0,04%/ngày. Như vậy, mức lãi suất chậm trả nguyên đơn yêu cầu áp dụng 10%/năm tức là 0,83%/tháng tương ứng 0,028%/ngày là thấp hơn mức trung bình lãi suất nợ quá hạn trên thị trường, đây là tình tiết có lợi cho bị đơn nên Tòa án chấp nhận.

[6.2] Về thời gian tính lãi chậm trả: Tại biên bản công nợ ngày 11/02/2020 đã thỏa thuận ngày trả số tiền 1.000.000.000 đồng vào ngày 30/3/2020, không có lãi. Như vậy, ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 30/3/2020, lãi suất chậm trả sẽ được tính từ ngày tiếp theo của ngày vi phạm là ngày 31/3/2020, và theo thỏa thuận trong biên bản công nợ, lãi suất không được tính từ ngày 11/02/2020 đến ngày 30/3/2020. Nguyên đơn cũng thống nhất. Vì vậy, thời gian tính lãi chậm trả từ ngày 31/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/4/2022 là 756 ngày (2 năm 26 ngày).

Cụ thể lãi chậm thanh toán từ ngày 31/3/2020 đến ngày 26/4/2022 là:

$1.000.000.000 \text{ đồng} \times 0,028\%/\text{ngày} \times 756 \text{ ngày} = 211.680.000 \text{ đồng}.$

Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu thêm khoản lãi nào khác.

Như vậy tổng số tiền Công ty T1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T là 1.211.680.000 đồng (Một tỷ hai trăm mười một triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

[7] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền nợ là 1.000.000.000 đồng và lãi chậm thanh toán là 211.680.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu buộc cá nhân ông Trần Văn H liên đới cùng Công ty T1 thanh toán tiền nợ và lãi chậm thanh toán.

[8] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[9] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty T1 phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn; Công ty T phải chịu án phí đối với yêu cầu không

được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 35, 39 144, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 11, Điều 306 Luật thương mại;

Căn cứ Điều 73, 74 Luật Doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH kiến trúc xây dựng thương mại T đối với Công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ T1 về việc tranh chấp thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

1.1. Buộc Công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ T1 phải thanh toán cho Công ty TNHH kiến trúc xây dựng thương mại T số tiền còn nợ là 1.211.680.000 đồng (Một tỷ hai trăm mười một triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng), trong đó bao gồm :

+ Tiền nợ gốc: 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

+ Lãi chậm thanh toán: 211.680.000 đồng (Hai trăm mười một triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH kiến trúc xây dựng thương mại T về việc buộc ông Trần Văn H liên đới cùng Công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ T1 thanh toán khoản nợ 1.000.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tương ứng.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH xây dựng thương mại dịch vụ T1 phải chịu 48.350.000 đồng (Bốn mươi tám triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Công ty TNHH kiến trúc xây dựng thương mại T phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005170 ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Trả lại cho Công ty TNHH kiến trúc xây dựng thương mại T 19.250.000 đồng (Mười chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí còn lại.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- CC THADS huyện Đức Linh;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung